

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH TB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HS-ST

Ngày 05/6/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH TB**

- *T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Danh Bảo

2. Ông Đào Duy Thiều

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh TB

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh TB tham gia phiên tòa:* Ông Trần Viết Quyết - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2018/HSST ngày 09 tháng 4 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 5 năm 2018 đối với:

Bị cáo Đoàn Văn T, sinh ngày 12/3/1971; nơi sinh, đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn C, xã L, huyện V, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; con ông: Đoàn Văn M, sinh năm 1937 và bà: Trương Thị B, đã chết; vợ: Đã ly hôn, con: Có 2 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 13/8/2009 của Ủy ban nhân huyện V, thành phố H về việc đưa người nghiện ma túy vào cai nghiện tại cơ sở chữa bệnh, thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 27/6/2011; Quyết định số 1216/QĐ-UBND, ngày 26/6/2013 của Ủy ban nhân huyện V, thành phố H về việc đưa người nghiện ma túy vào cai nghiện tại cơ sở chữa bệnh, thời hạn 24 tháng, ngày 18/5/2014 được tạm giao về gia đình để điều trị bệnh, đến nay chưa chấp hành xong; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/3/2018 đến ngày 22/3/2018 chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh TB (có mặt).

Người chứng kiến:

1. Anh Lê Duy B1, sinh năm 1972
 2. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982
- Cùng ở địa chỉ: Thôn VL, xã A, huyện Q, tỉnh TB
(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 16/3/2018, tại khu vực thôn Vũ Hạ, xã A, huyện Q, tỉnh TB, tổ công tác Công an huyện Q phát hiện Đoàn Văn T đang đi bộ, có biểu hiện liên quan đến hoạt động tội phạm về ma túy, yêu cầu T về trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q làm việc. Kiểm tra người Đoàn Văn T, thu giữ tại túi quần bên phải phía trước T đang mặc 10 gói nhỏ được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ đều chứa chất bột trắng dạng cục, T khai nhận là ma túy mua được với giá 500.000 đồng. Cơ quan Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng gửi giám định theo quy định của pháp luật.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đoàn Văn T không thu giữ tài sản, đồ vật gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận giám định số 96/KLGD-PC54, ngày 16/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TB kết luận: *“Mẫu gửi giám định thu của Đoàn Văn T là ma túy, loại Heroine (hêrôin), có khối lượng 0,6497 gam (Không thấy sáu nghìn bốn trăm chín mươi bảy gam).”*

Heroine STT: 20, Danh mục I, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ”.

Tại phiên tòa bị cáo khai: Sáng ngày 16/3/2018, bị cáo đi bộ từ nhà ra Quốc lộ 10 đón xe khách sang khu vực ngã tư Vũ Hạ, xã A, huyện Q, tỉnh TB mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Đến nơi, bị cáo xuống xe đi bộ vào một ngõ nhỏ gặp và mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ 500.000 đồng được 10 gói ma túy. Bị cáo cất ma túy mua được vào túi quần bên phải phía trước đang mặc rồi đi bộ ra ngã tư Vũ Hạ để đón xe về nhà thì bị phát hiện bắt giữ.

Bản cáo trạng số 36/CT-VKSQP ngày 06/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh TB truy tố Đoàn Văn T về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đoàn Văn T về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, phạt bị cáo từ

18 đến 24 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015: Tịch thu để tiêu hủy toàn bộ vật chứng là heroin thu được của bị cáo trong phong bì niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng, nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận do nghiện ma túy nên đã đi mua ma túy mục đích sử dụng cho bản thân, sau khi mua được ma túy, trên đường về thì bị bắt giữ. Bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng do Công an huyện Q lập ngày 16/3/2018, lời khai của người chứng kiến, bản kết luận giám định cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 16/3/2018, tại khu vực ngã tư Vũ Hạ, thuộc địa phận thôn Vũ Hạ, xã A, huyện Q, tỉnh TB, Đoàn Văn T đã có hành vi cất giấu tại túi quần bên phải phía trước T đang mặc 10 gói ma túy, loại hêrôin, có khối lượng 0,6497 gam (*Không thấy sáu nghìn bốn trăm chín mươi bảy gam*) nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Tệ nạn ma túy đang là mối quan tâm, nhức nhối của toàn xã hội, ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế, sức khỏe, làm suy thoái giống nòi, là căn nguyên phát sinh các loại tội phạm khác, bị cáo hiểu được tác hại của ma túy nhưng vẫn phạm tội, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*T khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm bị cáo được hưởng và xét thấy bị cáo có tiền sự, hai lần bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh để cai nghiện nhưng vẫn không từ bỏ được ma túy lại phạm tội, do đó bị cáo phải chịu mức án tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra và việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội trong thời gian chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, như vậy bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, bị bệnh AIDS nhiều năm nay, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Do không có căn cứ xác định người đã bán ma túy cho bị cáo nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 10 gói chứa chất bột màu trắng dạng cục, kết quả giám định kết luận là ma túy loại heroin và hoàn trả mẫu vật sau giám định, cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, phạt bị cáo Đoàn Văn T 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 3 năm 2018.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy 0,6198 gam (*Không phải sáu nghìn một trăm chín mươi tám gam*) mẫu gửi giám định và bao gói được niêm phong trong phong bì hoàn mẫu vật sau giám định ghi số 96/KLGD của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TB, theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh TB ngày 09/4/2018.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Đoàn Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- VKSND huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Liên (đã ký)